

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2022/HN-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B**

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Xuân Tiếng

2. Ông Lê Văn Cảnh

- **Thư ký phiên Tòa:** bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

Ngày 28/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/7/2022 về việc: “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 165/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Hà Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

2. *Bị đơn:* anh Huỳnh Quang V, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp 5, xã M, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày:

Chị và anh V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống, do tính tình không hòa hợp; anh V không quan tâm, chăm sóc, thường nói những lời xúc phạm đến danh dự và xua đuổi chị nên hai bên phát sinh mâu thuẫn. Hai bên đã sống riêng từ tháng 4/2022 cho đến nay. Trong thời gian sống riêng, anh V cũng có qua lại hòa giải nhưng chị không đồng ý. Hiện nay do tình cảm của chị đối với anh V không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh V là vợ chồng. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Huỳnh Quang V vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của chị Hà Thị N.

Tại phiên tòa:

Chị Hà Thị N vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Anh Huỳnh Quang V vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên tòa, nguyên đơn vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; riêng bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị N và anh Huỳnh Quang V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không được công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: chị N khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị N khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị N phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận chị Hà Thị N và anh Huỳnh Quang V là vợ chồng.

2. Về con chung: chị N khai không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị N khai không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Hà Thị N phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008280 ngày 14/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã M, T (G, B);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Các hội thẩm nhân dân

Đặng Thị Ngọc Duyên